| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NÚI THÀNH**<br>**TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 04/2025/DS - ST
Ngày: 17-3-2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Trương Văn Biểu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cúc;

2. Bà Phan Thị Thanh Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Trịnh Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trong ngày 17-3-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST-DS ngày 24/6/2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-DS ngày 02/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trương Thị B, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam;

- *Bị đơn:* bà Trần Thị C, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Văn Q, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn TT, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

**NHẬN THẤY**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/4/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị B trình bày:* Cuối năm 2019, bà Trương Thị B cho bà Trần Thị C vay số tiền 165.000.000 đồng, việc cho vay được lập thành Giấy mượn tiền 19/12/2019, có bà C ký xác nhận và điểm chỉ. Các bên thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, không thoả thuận về lãi. Tuy nhiên, đến nay bà C không thanh toán nợ. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ thanh toán 165.000.000 đồng nợ gốc theo Giấy mượn tiền và nợ lãi tính từ ngày 19/12/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, với lãi suất 1%/tháng. Tại phiên toà, bà B yêu cầu bà C có nghĩa vụ thanh toán 165.000.000 đồng nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 19/12/2019 đến

ngày 17/3/2025 (bà chỉ yêu cầu 62 tháng) là 165.000.000 đồng x 1%/tháng x 62 tháng = 102.300.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 19/12/2019.

Bị đơn bà Trần Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Q đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bà C và ông Q vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn đã nộp đơn và các chứng cứ theo quy định, khởi kiện bà Trần Thị C trú tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Quảng Nam yêu cầu trả tiền vay và lãi vay. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q, tuy nhiên bà C và ông Q vắng mặt lần hai không có lý do chính đáng mặc dù Toà án đã niêm yết, tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, thông báo mở lại phiên toà cho bà C và ông Q, do vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Cuối năm 2019, bà B cho bà C vay 165.000.000 đồng, các bên có lập Giấy mượn tiền, có chữ ký xác nhận và dấu vân tay của bà C. Giấy mượn tiền không có thoả thuận về thời hạn trả nợ, lãi vay. Bà C xác định các bên có thoả thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng. Do bà C không trả nợ nên bà B làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà C trả số tiền nợ gốc là 165.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 19/12/2019 đến ngày 17/3/2025 (bà chỉ yêu cầu 62 tháng) là 165.000.000 đồng x 1%/tháng x 62 tháng = 102.300.000 đồng.

[4] Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà C trong thời hạn luật định. Tuy nhiên bà C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà B gửi cho Toà án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, việc bà C có mượn tiền bà B với số tiền 165.000.000 đồng và viết giấy mượn tiền có chữ ký và dấu vân tay của bà C là sự thật không cần phải chứng minh.

[5] Quan hệ vay tiền giữa các đương sự là có thật, có lập thành văn bản. Hai bên không có thoả thuận thời hạn trả nợ nên theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự, bà B có quyền đòi bà C trả lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau trước một khoảng thời gian hợp lý. Tại thời điểm làm đơn khởi kiện ngày 01/4/2024, bà B cho rằng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà C không trả lại nợ. Đến ngày 24/6/2024 vụ án được thụ lý, bà C cũng đủ thời gian hợp lý để thu xếp trả nợ nhưng không trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do vậy, bà B yêu cầu bà C trả nợ gốc 165.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về tiền lãi:

Xét yêu cầu tính lãi từ ngày 19/12/2019 đến thời điểm xét xử 17/3/2025 là 62 tháng 27 ngày (bà B chỉ yêu cầu 62 tháng) lãi với lãi suất là 1%/tháng/165.000.000 đồng thấy rằng: Tại giấy mượn tiền không có thoả thuận về lãi. Mặt khác, bà C không có ý kiến tại hồ sơ, vắng mặt tại phiên toà nên không có ý kiến về lãi suất. Do không có thoả thuận về lãi suất, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được xác định là 10%/năm của 165.000.000 đồng tính từ ngày 24/6/2024 đến thời điểm xét xử là ngày 17/3/2025. Bà B thống nhất thời gian tính lãi là 08 tháng 22 ngày, tương đương số tiền lãi phải trả là 165.000.000 đồng x 10%/12 tháng x 08 tháng 22 ngày = 11.995.000 đồng, cần buộc bà C có trách nhiệm trả cho bà B.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị B đối với bị đơn bà Trần Thị C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị B số tiền nợ gốc là 165.000.000 *(Một trăm sáu mươi lăm triệu)* đồng và lãi 11.995.000 *(Mười một triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn)* đồng. Tổng cộng số tiền buộc bà C phải trả cho bà B là 176.995.000 *(một trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị C phải chịu 8.849.750 đồng. Hoàn trả cho bà Trương Thị B số tiền 4.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006668 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS h.Núi Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Biểu**